

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 6 – 2020

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai: Ông Đoàn Quốc Dục - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp *“Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị M** sinh năm 1984

Địa chỉ: khóm 4, phường 1, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt có đơn).

Bị đơn: Anh **Hữu Hồng P** sinh năm 1985

Địa chỉ: khóm 4, phường 1, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Lâm Thị M trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai:

Về hôn nhân: Chị và anh Hữu Hồng P chung sống từ năm 2001, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Chị yêu cầu ly hôn với anh P vì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc. Thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Hữu Thị Bích M sinh ngày 22/9/2001 và Hữu Hồng T sinh ngày 14/8/2003, con tên M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, con tên T đồng ý giao anh P nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị theo đơn đã nộp.

Bị đơn là anh Hữu Hồng P trình bày tại các lời khai: Anh thống nhất với chị M về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và các con chung. Về quan hệ vợ chồng anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Về con chung yêu cầu nhận nuôi con tên T, con tên M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh theo đơn đã nộp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 và áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Không công nhận chị Lâm Thị M và anh Hữu Hồng P là vợ chồng, về con chung: Giao anh Hữu Hồng P nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hữu Hồng T sinh ngày 14/8/2003, con chung tên M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết, không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lâm Thị M và bị đơn anh Hữu Hồng P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị M và anh Hữu Hồng P thống nhất chung sống từ năm 2001, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Hai bên thống nhất ly hôn do khi sống chung không có sự hòa hợp và có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy chị M và anh P đã thống nhất việc ly hôn nhưng không thể ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự do cả hai đều xác

định chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó việc chung sống như vợ chồng của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không xử cho ly hôn hay bác yêu cầu hoặc công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên mà tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] Về nuôi con chung: Các bên xác định chung sống có 02 con chung tên Hữu Thị Bích M sinh ngày 22/9/2001 và Hữu Hồng T sinh ngày 14/8/2003. Hai bên tự nguyện thỏa thuận và thống nhất con chung tên M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, con chung tên T giao anh P nuôi con theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử xét thấy anh P và chị M đã thỏa thuận và thống nhất về việc nuôi con chung khi ly hôn, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh P, chị M; không đặt ra xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu. Chị Lâm Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, chị M hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Khi có lý do chính đáng, anh P, chị M có quyền thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lâm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0001732 ngày 02/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Bị đơn Hữu Hồng P không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị M và anh Hữu Hồng P là vợ chồng.

2/- Về nuôi con chung: Giao anh Hữu Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hữu Hồng T sinh ngày 14/8/2003. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Chị Lâm Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con chung những người quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn trong trường hợp có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0001732 ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy